Tuần 1

Tiết 3

**TỪ GHÉP**

***I. Mục đích, yêu cầu:***

Giúp học sinh:

- Nắm được cấu tạo của hai loại từ ghép: từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.

- Hiểu được nghĩa của các loại từ ghép.

***II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:***

*1.Giáo viên:* giáo án, bảng phụ

*2. Học sinh:* sọan bài theo câu hỏi gợi ý .

***III. Tiến trình bài dạy:***

*1.Ổn định lớp*: Kiểm tra sĩ số

*2*.*Kiểm tra bài cũ*: Kiểm tra sự chuẩn bị bài ở nhà của HS.

Văn bản Mẹ tôi của Ét-môn-đô đơ A-mi-xi cho em những suy nghĩ gì?

*3*.*Bài mới*:

*\* Giới thiệu bài* : Ở chương trình Ngữ văn lớp 6, các em đã được làm quen với khái niệm từ ghép. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi sâu tìm hiểu về các loại từ ghép và nghĩa của chúng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung ghi bảng** |
| **Hoạt động 1:** Cho học sinh ôn lại khái niệm từ ghép đã học.  ? Từ ghép là gì?  Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.  **Hoạt động 2**: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cấu tạo của hai loại từ ghép.  - Gv treo bảng phụ, yêu cầu học sinh đọc ví dụ:  *“Mẹ còn nhớ sự nôn nao, hồi hộp khi cùng* ***bà ngoại*** *đi tới gần ngôi trường và nỗi chơi vơi, hốt hoảng khi cổng trường đóng lại”.* (Lý Lan)  *“Cốm không phải thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi* ***thơm phức*** *của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ”.* (Thạch Lam)  ? Trong hai từ ghép *bà ngoại, thơm phức*; tiếng nào là tiếng chính, tiếng nào là tiếng phụ bổ sung ý nghĩa cho tiếng chính?  - GV gợi dẫn: so sánh *bà ngoại* với *bà nội, thơm phức* với *thơm ngát*.  *Bà ngoại – bà nội* đều có nét nghĩa chung là *bà*, nhưng lại có nghĩa khác nhau do tác dụng bổ sung nghĩa của tiếng *ngoại* và *nội*. *Thơm phức* và *thơm ngát* có nghĩa chung là *thơm*, nhưng lại có nghĩa khác nhau do tác dụng bổ sung nghĩa của tiếng *ngát* và *phức*. Tiếng bổ sung nghĩa là tiếng phụ, tiếng được bổ sung nghĩa là tiếng chính. Như vậy, *bà* là tiếng chính, *ngoại* là tiếng phụ; *thơm* là tiếng chính, *phức* là tiếng phụ.  ? Em hãy nhận xét về vị trí của tiếng chính và tiếng phụ trong hai từ ghép trên?  (tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau)  - GV treo bảng phụ, yêu cầu học sinh đọc ví dụ:  *“Việc chuẩn bị* ***quần áo*** *mới, giày nón mới, cặp sách mới, tập vở mới, mọi thứ đâu đó đã sẵn sàng, khiến con cảm nhận được sự quan trọng của ngày khai trường”*  *“Mẹ không lo nhưng vẫn không ngủ được. Cứ nhắm mắt lại là dường như vang bên tai tiếng đọc bài* ***trầm bổng****”* (Cổng trường mở ra)  ? Trong hai từ ghép *quần áo* và *trầm bổng* có phân ra tiếng chính và tiếng phụ không? (gv gợi dẫn cho học sinh đảo ngược vị trí các tiếng)  → các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp.  ? Từ việc tìm hiểu ví dụ, em hãy nêu cấu tạo của hai loại từ ghép.  - GV gọi hai học sinh đọc lại phần ghi nhớ.  **Hoạt động 3:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của từ ghép.  ? Học sinh so sánh nghĩa của từ *bà ngoại* với từ *bà*, nghĩa của từ *thơm phức* với từ *thơm*. Nghĩa của từ nào hẹp hơn?  - Từ ví dụ, em cho biết, nghĩa của từ ghép chính phụ như thế nào?  ? Học sinh so sánh nghĩa của các từ q*uần áo, trầm bổng* với các tiếng tạo ra nó. Cho nhận xét về nghĩa của các từ ghép này.  ? Từ việc tìm hiểu ví dụ, em hãy rút ra kết luận về nghĩa của từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập?  - GV gọi hai học sinh đọc lại phần ghi nhớ.  **Hoạt động 4:** Hướng dẫn học sinh thực hiện phần luyện tập  - Học sinh làm bài tập 1 vào vở, gv gọi một học sinh lên bảng làm.  - Học sinh lên bảng thực hiện bài tập 2.  - Học sinh thực hiện bài tập 3. | **I. Các loại từ ghép**  ***1. Ví dụ:***  *a) Ví dụ 1:*  - *Bà ngoại*: *bà* là tiếng chính, *ngoại* là tiếng phụ.  - *Thơm phức*: *thơm* là tiếng chính, *phức* là tiếng phụ.  → tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau.  *b) Ví dụ 2:*  *- quần áo:*  *- trầm bổng:*  → không phân ra tiếng chính, tiếng phụ  ***2. Ghi nhớ***  SGK/ tr. 14  **II. Nghĩa của từ ghép**  ***1. Ví dụ:***  *a) Ví dụ 1:*  **-** *Bà*: người sinh ra mẹ hoặc cha  *Bà ngoại*: người sinh ra mẹ  **-** *Thơm:* có mùi như hương của hoa, dễ chịu, làm cho thích ngửi  *Thơm phức*: có mùi thơm bốc lên mạnh, hấp dẫn  → từ *bà ngoại* có nghĩa hẹp hơn từ *bà*, từ *thơm phức* có nghĩa hẹp hơn từ *thơm.*  *b) Ví dụ 2:*  - *Quần / áo*: chỉ một loại trang phục cụ thể: quần hoặc áo  *Quần áo*: chỉ trang phục nói chung  - *Trầm / bổng*: chỉ một phương diện âm thanh: cao hay thấp  *Trầm bổng*: âm thanh lúc trầm lúc bổng, nghe êm tai  → Từ *quần áo*, *trầm bổng* có nghĩa khái quát hơn các tiếng tạo nên nó.  ***2. Ghi nhớ***  SGK/ tr.14  **III. Luyện tập**  ***1. Bài tập 1:***  - Từ ghép chính phụ: xanh ngắt, nhà máy, nhà ăn, cười nụ  - Từ ghép đẳng lập: lâu đời, suy nghĩ, chài lưới, cây cỏ, ẩm ướt, đầu đuôi.  ***2. Bài tập 2:***  Bút chì, thước nhựa, mưa rào, làm ruộng, trắng bóc, vui lòng, nhát gan.  ***3. Bài tập 3:***  Núi đồi, núi sông; mặt mũi, mặt mày; ham muốn, ham thích; xinh đẹp, xinh tươi; học hỏi, học hành; tươi tỉnh, tươi tốt. |

*4. Củng cố, dặn dò:*

- Học sinh hiểu và nhớ được cấu tạo, nghĩa của các loại từ ghép.

- Biết vận dụng để nhận diện các loại từ ghép.

- Hoàn thành các bài tập còn lại.

- Soạn bài: Liên kết trong văn bản.